

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

-----oOo-----

HCM City, ngày 23 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán;
 - Công ty CP Xây dựng Cotecons.
To: - The State Securities Commission;
 - The Stock Exchange;
 - Cotecons Construction Joint Stock Company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*
 - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation*: **Công đoàn Cơ sở Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons**
 - Quốc tịch/*Nationality*: **Việt Nam**
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*: **236/6 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. HCM**
 - Điện thoại liên hệ/*Telephone*: Fax: Email
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: **Tổ chức Chính trị - Xã hội thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons.**
2. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: **CTD**
3. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants*



mentioned at item 3 above:
company

tại công ty chứng khoán/ In the securities

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*: **4.000** cổ phiếu/shares, chiếm tỷ lệ **0,004%** tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty;
5. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:
 - Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/ sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*: **Nhận chuyển nhượng/ To receive share transfer.**
 - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*: **30.000** cổ phiếu cổ phiếu/ shares.
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*.
 - Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/ *Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*: **Nhận chuyển nhượng/ To receive share transfer.**
 - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded*: **0** cổ phiếu/shares.
7. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/ *The value of executed transaction (calculated based on par value)*: **0** đồng/VND.
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction*: **4.000** cổ phiếu/shares, chiếm tỷ lệ **0,004%** tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty.



9. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*: **Chuyển quyền sở hữu chứng khoán thông qua Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Transfer of ownership of securities through the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)*.**
10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time*: **Giao dịch chưa được thực hiện/ *Transaction not yet executed*.**
11. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/ *The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amounts not being executed)*: **Đang tiếp tục đề nghị VSDC để nhận chuyển nhượng số chứng khoán còn lại/ *Continuing to request VSDC to process/complete the transfer of the remaining securities*.**

Nơi nhận/ *Recipients*:

- Như trên/ *As above*
- Lưu/ *Archived*: VT.

**TM. CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(*Signature, full name and seal - if any*)



Nguyễn Thị Việt Nga